

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số:23/2019/DS-ST
Ngày: 13/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Xuân Tôn
2. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:151/2019/TLST-DS, ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1982, bà Khảm Mai O, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 3/2, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân N (đã chết) và bà Phan Thị Lệ H, sinh năm 1980 (vắng mặt).

HKTT: Thôn H, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông.

Địa chỉ: Thôn 3/2 xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đã chết:

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1950
2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1950

Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Bà Phan Thị Lệ H, sinh năm 1980 (vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Công B, sinh năm 1999 (vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 2000 (vắng mặt).

HKTT: Thôn H, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

Hiện trú tại: Thôn 3/2, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08/7/2019 của nguyên đơn ông Nguyễn Đình P và bà Khảm Mai O trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai tại phiên tòa thì: Do mối quan hệ quen biết hàng xóm với nhau nên ngày 21/5/2018 ông Nguyễn Đình P và bà Khảm Mai O có cho bà Phan Thị Lệ H và ông Nguyễn Xuân N vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 100.000đ/200.000.000đ/1 ngày. Thời hạn trả nợ là ngày 23/5/2018. Khi vay có viết giấy vay tiền, do ông Nguyễn Đình P viết; bà H, bà O ký vào giấy vay tiền. Mục đích vay, bà H cho biết là để đáo hạn ngân hàng.

Đến hạn ngày 23/5/2018 ông N, bà H không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết nên đến ngày 28/5/2018 bà H đồng ý viết lại giấy vay tiền có nội dung vay ông bà số tiền 200.000.000đ và thế chấp căn nhà đang ở để ông bà yên tâm. Giấy vay tiền ngày 28/5/2019 do bà O, bà H và ông P cùng ghi. Bà H ký vào giấy vay tiền tại nhà ông P, bà O. Nhưng giấy vay tiền ngày 21/5/2018 chưa có chữ ký của ông N nên ông bà đi cùng bà H về nhà bà H để ông N ký vào giấy vay. Tại nhà ông N, ông N đã ký họ tên Nguyễn Xuân N vào bên vay tiền, sau đó bà H cầm 2 giấy vay tiền rồi gọi ông N vào phòng trong, ông N giật 2 giấy từ tay rồi xé thành nhiều mảnh, bà O đi theo vào phòng nhìn thấy hai giấy vay đã bị xé. Bà O gom hai giấy vay về ghép lại.

Sau ngày 28/5/2018 bà O, ông P nhiều lần gọi điện thoại cho bà H để yêu cầu trả nợ nhưng bà H vẫn trả lời là chưa có trả, xin khất từ từ để bà lo liệu, mỗi lần gọi điện thoại cho bà H ông P, bà O đều ghi âm nội dung cuộc gọi. Đồng thời Bà O, ông P đã làm đơn tố cáo ông N, bà H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil để tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra, ông bà mới biết tên thật của bà H là Phan Thị Lệ H chứ không phải Trần Thị Lệ H như bà H đã đọc cho bà O vào thời điểm vay tiền. Kết quả giải quyết đơn tố cáo, Công an huyện Đắk Mil quyết định không khởi tố vụ án hình sự và thông báo để ông P và bà O khởi kiện vụ án dân sự. Ngày 8/7/2019, ông P, bà O khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Xuân N và bà Phan Thị Lệ H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông bà 200.000.000đ tiền gốc và tiền lãi kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử vụ án theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Theo lời trình bày của bà Phan Thị Lệ H trong quá trình giải quyết vụ án thì: bà H thừa nhận ngày 21/5/2018 bà H có trực tiếp nhận vay của bà O, ông P số tiền 200.000.000đ để đáo hạn nợ ngân hàng, khi vay không lập giấy tờ, khi trả cũng không lập giấy tờ. Các giấy vay ngày 21/5/2018 và 28/5/2018 bà O cung cấp cho Tòa án được viết sau khi bà đã trả tiền được một tuần. Ngày 28/05/2018, Bà O, ông P gọi bà xuống nhà bà O để nhờ ký giấy để bố mẹ ông P tin là có cho bà vay tiền. Khi đó bà O hỏi bà có phải là “Trần Thị Lệ H” không thì bà nghĩ đã trả tiền rồi không còn quan trọng nên bà ừ và bà cũng ký và ghi tên Trần Thị Lệ H. Sau đó bà O, ông P đưa giấy lên nhà cho ông N ký, lúc đó do không nghĩ đến hậu quả của việc ký giấy vay nên bà và ông N mới đồng ý ký. Sau khi ông N ký xong thì vì nghĩ là đã trả tiền nên mới xé giấy vay đi. Lý do sau khi trả tiền, khi bà O gọi điện thoại cho bà để đòi tiền bà vẫn nói đang khó khăn cho khát (theo nội dung băng ghi âm bà O cung cấp cho Công an) là vì trước đó bà O có nói với bà là “Khi nào em gọi điện thì chị cứ trả lời như vậy”. Lúc đó bà chưa biết mục đích của bà O nên mới tin tưởng trả lời như vậy, sau này bà mới biết bà O âm mưu lấy nhà của bà. Khi vay các bên có thỏa thuận lãi suất 2.000đ/1 triệu/1 ngày, vay trong 3 ngày. Do vay 3 ngày nên khi trả tiền bà chủ quan nên không yêu cầu bà O phải viết giấy nhận tiền. Bà xác nhận việc vay số tiền 200.000.000đ là có thật nhưng đã trả cả gốc và lãi. Tuy nhiên bà không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Hiện nay chồng bà bị bệnh nên không thể đến Tòa án làm việc, mọi lời khai đã khai tại Cơ quan điều tra. Và bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Xuân N, nhưng ông N không hợp tác tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai ngày 28/7/2018 và các biên bản lấy lời khai của bà Phan Thị Lệ H tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đắk Mil, bà H đều thừa nhận ngày 21/5/2018 bà có vay của bà O 200.000.000đ để đáo hạn ngân hàng, lãi suất 2.000đ/1.000.000đ/1 ngày, thời hạn trả tiền vào ngày 23/5/2018, bà đã trả đủ gốc và 1.400.000đ tiền lãi. Đến ngày 28/5/2018 bà O có nhờ bà ký giấy vay, bà O nói ký giấy vay để cho bố mẹ ông P tin là có việc cho vay tiền. Giấy do bà O viết, sau khi bà ký xong thì ông P về nói viết như vậy không được nên ông P viết lại rồi nhờ bà ký. Sau đó ông P bà O đưa giấy lên nhà cho chồng bà ký, sau khi ký xong thì chồng bà đã xé giấy hai giấy vay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/7/2018 của ông Nguyễn Xuân N tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil, ông N xác nhận ông là người ký trong giấy vay tiền ngày 21/5/2018, nhưng sau khi ký xong ông nói vợ ông đọc lại, do thấy nội dung ghi như vậy là vi phạm pháp luật nên ông đã cầm giấy xé trước mặt ông P, bà O.

Kết quả trưng cầu giám định số 130-131 ngày 22/10/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

1. *Chữ viết phân nội dung:*

1.1 *Chữ viết phân nội dung trên tài liệu (ký hiệu A1) so với chữ viết của Phan Thị Lệ H trên tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1-M6) là không phải do cùng một*

người viết ra.

1.2 Chữ viết có các chữ bắt đầu “Cộng hòa...” thuộc dòng chữ viết thứ 01 tính từ trên xuống đến các chữ “...Lệ H” thuộc dòng chữ viết thứ 5 tính từ trên xuống và chữ viết của Phan Thị Lệ H trên tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M6) là không phải do cùng một người viết ra.

1.3 Chữ viết có các chữ bắt đầu: “Tôi có vay...” thuộc dòng chữ viết thứ 06 tính từ trên xuống đến các chữ “...ngày sớm nhất” thuộc dòng chữ viết thứ 014 tính từ trên xuống trên tài liệu (ký hiệu A2) so với chữ viết của Phan Thị Lệ H trên tài liệu mẫu là do cũng một người viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị Lệ H.

2.1 Chữ ký mang tên Trần Thị Lệ H dưới mục: Người vay trên tài liệu (ký hiệu A1,A2) so với chữ ký mang tên Trần Thị Lệ H trên tài liệu mẫu không đủ cơ sở kết luận do mẫu so sánh không đáp ứng yêu cầu.

2.2 Chữ viết mang tên Trần Thị Lệ H dưới mục: Người vay trên tài liệu ký hiệu A1,A2 so với chữ viết mang tên Trần Thị Lệ H trên tài liệu mẫu là do cùng một người viết ra.

3. Chữ ký (dạng chữ viết) mang tên Nguyễn Xuân N bên mục chữ ký chồng trên tài liệu (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Nguyễn Xuân N trên tài liệu mẫu (ký hiệu M1,M2) là do cùng một người ký ra.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/9/2019 ông Nguyễn Xuân N chết (đăng ký khai tử ngày 18/9/2019). Kết quả xác minh những người thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Xuân N gồm:

1. Ông Nguyễn Văn M – sinh năm 1950 – là bố ruột
2. Bà Nguyễn Thị V – sinh năm 1950 – là mẹ ruột
Địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông.
3. Bà Phan Thị Lệ H – sinh năm 1980 - là vợ
4. Anh Nguyễn Công B – sinh năm 1999 – là con
5. Chị Nguyễn Thị Tuyết S – sinh năm 2000 – là con
HKTT: Thôn H, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông.
Địa chỉ: Thôn 3/2 xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông

Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã thông báo cho các đương sự biết về việc xác định tư cách tham gia tố tụng, kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn đã chết. Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị V đã có đơn từ chối dùng di sản của người đã chết để trả nợ vì cho rằng vợ con ông N là những người trực tiếp quản lý di sản của vợ chồng ông N nên vợ con ông N có trách nhiệm dùng di sản của ông N để trả nợ thay cho ông N và ông M, bà V đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa; Bà H, anh B, chị S đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng.

Tại biên bản xác minh ngày 11/10/2019, Ông Nguyễn Xuân N và bà Phan Thị Lệ H có tài sản chung chưa chia là thửa đất số 502 tờ bản đồ số 57 diện tích

117m², trong đó có 100m² đất ở, 17m² đất trồng cây lâu năm. GCNQSDĐ số CE099127 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 31/3/2017 mang tên Nguyễn Xuân N và Phan Thị Lệ H. Tài sản trên đất là 01 nhà xây cấp IV, 02 gian, gác lửng, tường ốp gạch hoa, nền gạch hoa, diện tích 96m², 01 mái che tôn kẽm diện tích 17m².

Tại phiên tòa, ông P, bà O yêu cầu bà H và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Xuân N đã chết phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 200.000.000đ và tiền lãi kể từ ngày 23/7/2018 cho đến ngày xét xử vụ án và tiếp tục thanh toán tiền tiền lãi cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Về nội dung: áp dụng quy định tại Điều 357, 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ông Nguyễn Đình P, bà Khảm Mai O, buộc bà Phan Thị Lệ H, ông Nguyễn Xuân N phải trả cho ông P, bà O số tiền là 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do ông N chết, ông M, bà V có văn bản từ chối nhận di sản nên bà H, anh B, chị S là những người quản lý di sản có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn trong phạm vi di sản do ông N chết để lại.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Phan Thị Lệ H và ông Nguyễn Xuân N có hộ khẩu thường trú thôn H, xã M, huyện M, tỉnh Đắk Nông và chỗ ở hiện nay: thôn 3/2, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại

Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. TAND huyện Đắk Mil đã tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn và người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đã chết nhưng các đương sự vắng mặt lần thứ hai không có lý do. TAND huyện Đắk Mil xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 BLTTDS.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp và lời khai của các đương sự thể hiện:

Ngày 21/5/2018 giữa ông Nguyễn Đình P, bà Khảm Mai O và bà Phan Thị Lệ H có thỏa thuận ông P, bà O cho bà H và ông Nguyễn Xuân N vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Thời hạn trả nợ ngày 23/5/2018. Giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của bên cho vay bà Khảm Mai O và bên vay bà Phan Thị Lệ H.

Ngày 28/5/2018 các bên tiếp tục lập thêm giấy vay tiền số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và bên vay đồng ý lấy căn nhà đang ở ra thế chấp cho anh Nguyễn Đình P và sẽ lo trả nợ trong một ngày sớm nhất. Các bên chỉ lập lại giấy vay tiền chứ không giao nhận tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị Lệ H thừa nhận có vay của ông P, bà O số tiền 200.000.000đ vào ngày 21/5/2018 là đúng sự thật. Và ngày 21/5/2018 ông N không ký vào giấy vay tiền mà chữ ký của ông N được ký vào ngày 28/5/2018. Như vậy, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc vay tiền là có thật, nội dung và hình thức thỏa thuận vay tiền của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định pháp luật.

Về nghĩa vụ thanh toán: Bà H cho rằng, bà đã thanh toán số tiền gốc 200.000.000đ và 1.400.000đ tiền lãi vào ngày 23/5/2018. Tuy nhiên, khi vay tiền cũng như khi trả tiền không lập giấy tờ gì. Đối với 02 giấy vay do bà O, ông P cung cấp được viết vào ngày 28/5/2018, sau khi bà H trả tiền được 1 tuần, bà O ông P mới nhờ bà viết và ký xác nhận.

HĐXX xét thấy: bà H tên thật là Phan Thị Lệ H nhưng khi vay tiền bà đã thông tin sai với bà O tên của bà là Trần Thị Lệ H, giấy vay cũng được ký Trần Thị Lệ H. Nhưng bà Phan Thị Lệ H thừa nhận có vay số tiền 200.000.000đ vào ngày 21/5/2018 đúng như chứng cứ nguyên đơn cung cấp, có chữ ký xác nhận của bà H, còn ông N ký vào ngày 28/5/2018. Bà H cho rằng đã trả tiền gốc và tiền lãi nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho việc trả tiền;

Mặc dù giấy vay đã bị ông Nguyễn Xuân N xé vì cho rằng đã trả nợ. Tuy nhiên, lời khai của nguyên đơn là có căn cứ. Bởi lẽ, sau ngày 28/5/2018 vào ngày 22/7/2018, 01/8/2018 giữa bà H, ông N và bà O, ông P vẫn trao đổi với nhau về số tiền còn nợ và bà H xin khất vì chưa có điều kiện thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, bà H cho rằng mặc dù bà đã trả tiền cho bà O vào ngày 21/5/2018 nhưng sau đó khi bà O gọi điện bà vẫn xin khất như nội dung bà O đã ghi âm là vì trước đó bà

O nhờ bà H nói như vậy. Bà H, ông N là những người có đầy đủ nhận thức, năng lực hành vi. Việc ông bà cho rằng sau khi đã trả tiền đầy đủ vẫn đồng ý viết và ký lại giấy vay tiền và sau đó vẫn thừa nhận là đang còn nợ tiền xin khất vì bà O nhờ nói như vậy... là không có cơ sở để chấp nhận.

Ông Nguyễn Xuân N không ký tên vào thời điểm bà O, ông P, bà H viết giấy vay và nhận tiền ngày 21/5/2018, tuy nhiên ngày 28/5/2018 ông N vẫn đồng ý ký vào giấy vay tiền ngày 21/5/2018, là ông N biết và đồng ý với việc vay tiền với mục đích để trả ngân hàng nên đây là nợ chung của vợ chồng.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và thông báo kết quả việc công khai chứng cứ cũng như các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặc dù đã nhận được các thông báo của Tòa án nhưng bà H, ông N vẫn không tham gia tố tụng, không cung cấp các chứng cứ chứng minh để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Điều 91 BLTTDS quy định:

...

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Như vậy, HĐXX xác định các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có căn cứ, bà Phan Thị Lệ H có vay của bà Khảm Mai O và ông Nguyễn Đình P số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) và chưa thanh toán là đúng.

Việc bà H, ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà O, ông P khi đến hạn là vi phạm cam kết và vi phạm pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán số tiền gốc đã vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) là căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều xác định đây là khoản vay có lãi, tuy nhiên có sự mâu thuẫn về mức lãi suất và số tiền lãi đã thanh toán. Căn cứ vào các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, HĐXX xác định đây là khoản vay có lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tòa án buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi kể từ ngày 23/7/2018, là ngày nguyên đơn trực tiếp liên lạc để yêu cầu bị đơn trả nợ theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn về thời hạn tính lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Điều 468 BLDS quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Như vậy, số tiền lãi cần buộc bên vay phải thanh toán là: 200.000.000đ x 20.000.000đ/năm x 15 tháng 21 ngày (từ ngày 23/7/2018 đến 13/11/2019) = 26.167.000đ (hai mươi sáu triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/9/2019 bị đơn ông Nguyễn Xuân N chết (đăng ký khai tử ngày 18/9/2019).

Căn cứ Điều 74 BLTTDS, Tòa án đã xác định những người thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Xuân N gồm: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1950 – là bố ruột, bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1950 – là mẹ ruột, bà Phan Thị Lệ H, sinh năm 1980 - là vợ, anh Nguyễn Công B, sinh năm 1999 – là con, chị Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 2000 – là con.

Điều 615 BLDS quy định:

1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại.

Tài sản chung của ông Nguyễn Xuân N và bà Phan Thị Lệ H là thửa đất số 502 tờ bản đồ số 57 diện tích 117m², trong đó có 100m² đất ở, 17m² đất trồng cây lâu năm. GCNQSDĐ số CE099127 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 31/3/2017 mang tên Nguyễn Xuân N và Phan Thị Lệ H. Tài sản trên đất là 01 nhà xây cấp IV, diện tích 96m² + 01 mái che diện tích 17m². Ông Nguyễn Xuân N chết, di sản chưa chia của ông N là ½ giá trị quyền sử dụng đất thửa đất số 502 tờ bản đồ số 57 và tài sản gắn liền với đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị V có đơn từ chối nhận tài sản của người chết để lại để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Và có ý kiến đồng ý để vợ con ông N (bà H, anh B, chị S) là người trực tiếp quản lý di sản có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông N. Do đó, HĐXX nghĩ, cần buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là bà Phan Thị Lệ H, anh Nguyễn Công B, chị Nguyễn Thị Tuyết S đang trực tiếp quản lý tài sản của ông N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thay cho ông N ½ gốc số tiền nguyên đơn khởi kiện là 100.000.000đ và ½ tiền lãi là 13.083.500đ (mười ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng) tiền lãi trong phạm vi di sản của ông N để lại là ½ giá trị

quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 502 tờ bản đồ số 57 diện tích 117m², trong đó có 100m² đất ở, 17m² đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại thôn 3/2 xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 31/3/2017 cho ông Nguyễn Xuân N và bà Phan Thị Lệ H theo GCNQSDĐ số CE099127. Đối với ½ số tiền vay gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và 13.083.500đ (mười ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng) thuộc phần nghĩa vụ của bà Phan Thị Lệ H, bà H phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là phù hợp.

[2.4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Phan Thị Lệ H nộp 113.083.500đ x 5% = 5.654.000đ (năm triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí DSST; bà Phan Thị Lệ H, anh Nguyễn Công B, chị Nguyễn Thị Tuyết S nộp thay ông N số tiền 5.654.000đ (năm triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí DSST được lấy từ phần di sản ông Nguyễn Xuân N chết để lại.

[2.5] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 BLTTDS;

Áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 401, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 615 BLDS; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khảm Mai O và ông Nguyễn Đình P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Phan Thị Lệ H và ông Nguyễn Xuân N.

2. Buộc bà Phan Thị Lệ H phải thanh toán cho bà Khảm Mai O và ông Nguyễn Đình P số tiền 113.083.500đ (một trăm mười ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng) trong đó có 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền gốc và 13.083.500đ (mười ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng) tiền lãi.

3. Bà Phan Thị Lệ H, anh Nguyễn Công B, chị Nguyễn Thị Tuyết S – là những người đang trực tiếp quản lý di sản của ông Nguyễn Xuân N (chết ngày 16/9/2019) để lại là ½ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số

502 tờ bản đồ số 57 diện tích 117m², trong đó có 100m² đất ở, 17m² đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại thôn 3/2, xã Đ huyện M, tỉnh Đắk Nông, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 31/3/2017 cho ông Nguyễn Xuân N và bà Phan Thị Lệ H theo GCNQSDĐ số CE099127.

Buộc bà Phan Thị Lệ H, anh Nguyễn Công B, chị Nguyễn Thị Tuyết S có nghĩa vụ thay ông Nguyễn Xuân N trả nợ cho ông Nguyễn Đình P và bà Khảm Mai O số tiền số tiền 113.083.500đ (một trăm mười ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng) trong đó có 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền gốc và 13.083.500đ (mười ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng) tiền lãi trong phạm vi phần di sản của ông N để lại trong khối tài sản chung của vợ chồng ông N, bà H.

4. Thời hạn thanh toán: Theo trình tự thủ tục thi hành án Dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Phan Thị Lệ H nộp 5.654.000đ (năm triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí DSST;

Bà Phan Thị Lệ H, anh Nguyễn Công B, chị Nguyễn Thị Tuyết S nộp thay ông N 5.654.000đ (năm triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí DSST được lấy từ phần di sản do ông N chết để lại hiện nay bà H, anh B, chị S đang quản lý. Trong đó, bà H nộp 1/3 số tiền án phí thay ông N là 1.885.000đ (một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng); anh Nguyễn Công B nộp 1/3 số tiền án phí thay ông N là 1.885.000đ (một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng); chị Nguyễn Thị Tuyết S nộp 1/3 số tiền thay ông N là 1.885.000đ (một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Đình P và bà Khảm Mai O 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001649 ngày 08/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đã chết vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Đỗ Thị Mận